

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-ST

Ngày: 19/01/2018

Về việc: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sơn Mút

2. Ông Nguyễn Thanh Tú

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long
(Không tham gia phiên tòa)

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh tỉnh Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử dân sự sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc: “*Hợp đồng vay tài sản*”

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2018; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm 1965

Và ông Trần Văn T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kim V, sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ 4, ấp H, xã T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 4, ấp H, xã T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Ông Trần Văn S, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ 1, ấp T, xã H, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2017 bà S và ông T trình bày: Ngày 01/9/2016 ông bà có cho bà V mượn số tiền 50.000.000đ. Lúc cho mượn có giao kết

3 tháng trả nhưng đến hạn bà V chỉ trả dần 5 lần được 15.000.000đ. Từ tháng 10/2017 đến nay bà V không chịu trả nữa nên ông, bà yêu cầu Tòa án buộc bà V, ông C trả số tiền còn lại là 35.000.000đ. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 03/01/2018 bà V khai: Số tiền 50.000.000đ nêu trên là ông T cho ông S mượn rồi kêu bà qua nhà ký tên chứng kiến cho ông S nhận tiền, chứ không phải bà mượn và cũng không có liên quan gì với ông C. Thực tế 5 lần trả tiền = 15.000.000đ đều do ông S gửi tiền bà trả. Do đó để ông S trả 35.000.000đ còn lại chứ bà không đồng ý trả.

Tại bản tự khai ngày 03/01/2018 ông S thừa nhận số nợ 50.000.000đ của bà S, ông T là của ông nợ. Bà Vinh chỉ là người ký tên chứng kiến nên ông nhận trả số tiền còn lại là 35.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét thấy tại biên bản hòa giải ngày 03/01/2018 bà S, ông T xác định lại là chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà V trả số tiền nợ còn lại là 35.000.000đ, chứ không yêu cầu giải quyết đối với ông C và cũng không đồng ý việc ông S nhận trả nợ. Thực tế tại biên nhận ngày 01/9/2016 cũng như các biên nhận trả tiền ngày 12/5/2016, 12/6/2017, 12/7/2017, 12/8/2017, 12/9/2017 đều do bà V ký tên nhận và trả tiền chứ không thể hiện gì đối với ông C, ông S. Tại phiên tòa bà V đồng ý trả cho bà S, ông T số tiền còn nợ 35.000.000đ nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000đ nên không thỏa thuận được. Tại phiên tòa bà S, ông T chỉ yêu cầu bà V trả nợ gốc còn lại 35.000.000đ. Do đó buộc bà V trả cho bà S, ông T số tiền nêu trên.

Ngoài ra, bà V còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị S và ông Trần Văn T.
- Buộc bà Trần Thị Kim V trả cho bà Trần Thị S, ông Trần Văn T số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng).
- Án phí:
Buộc bà Trần Thị Kim V nộp số tiền 1.750.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Trả lại cho bà S, ông T 875.000đ (tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0008920 Chi cục Thi hành án thị xã Bình Minh thu ngày 27/11/2017.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa trả đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng phải trả lãi đối với phần chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Có mặt nguyên, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan báo cho biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKS thị xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Hữu